



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
---000---

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY
DỰNG DI LINH**

524- HÙNG VƯƠNG-DI LINH-DI LINH -LÂM ĐỒNG
☎ : 02633.870437 Website: diliwaco.com

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ
THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

I. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**
- Địa chỉ : **524-Hùng Vương, Thị trấn Di Linh, Di Linh, Lâm đồng**
- Điện thoại : 02633.870437 Fax: 02633.765384
- Giấy ĐKKD số: 5800831612 do Sở KH & ĐT Lâm đồng cấp lần đầu ngày 11/09/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 8 năm 2020;

II. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN

Do tình hình dịch bệnh COVID -19 diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Thực hiện theo Công văn số 3001/UBND-VX3 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Lâm đồng về việc tiếp tục tăng cường phòng chống dịch COVID-19.

Căn cứ điều 21 điều lệ công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh về thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước và Xây Dựng Di Linh thống nhất lấy ý kiến của toàn bộ cổ đông thông qua Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 bằng văn bản.

III. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

1. Tên cổ đông:
2. Số CMND/ Số CCCD/ Số Giấy CNĐKKD:
3. Địa chỉ:
4. Số lượng cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) đến ngày 31/12/2020 : **CỔ PHẦN**
5. Số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện): **CỔ PHẦN**



IV. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán (Chi tiết xem Báo cáo tài chính 2020), phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, thù lao HĐQT-BKS năm 2020.

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN

2. Nội dung 2: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiền lương, dự kiến phân phối lợi nhuận và dự kiến cổ tức năm 2021 (Chi tiết xem báo cáo kèm theo.)

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN

3. Nội dung 3: Thông qua danh mục đầu tư xây dựng cơ bản (Chi tiết xem danh mục kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021).

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN

4. Nội dung 4: Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN

5. Nội dung 5: Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính 2021.

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN

6. Nội dung 6: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể:

a. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Võ Quốc Trang theo đơn đề nghị vì lý do sức khỏe.

b. Bầu ông Nguyễn Hùng Cường làm thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023.

ĐỒNG Ý

KHÔNG ĐỒNG Ý

KHÔNG Ý KIẾN



Ghi chú:

- Cổ đông có thể truy cập vào website công ty: *diliwaco.com* để xem thông tin của Cty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh.
- Cổ đông lựa chọn và đánh dấu (✓) vào một trong ba ý kiến: **Đồng ý**, **Không đồng ý** hoặc **Không ý kiến** và gửi về Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh đúng thời gian quy định.
- Phiếu Lấy ý kiến bằng văn bản xin gửi về Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh, **Địa chỉ: 524- Hùng Vương, thị trấn Di Linh, Di Linh, Lâm đồng trước 16h00 ngày 28/5/2021** bằng hình thức gửi thư hoặc nộp trực tiếp tại văn phòng của Công ty.

Di Linh, ngày 18 tháng 5 năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN THỌ



Di Linh, ngày 20 tháng 5 năm 2021

THUYẾT MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG ÁN NĂM 2021 – ĐỊNH HƯỚNG 2023

(Bản điều chỉnh ngày 19-5-2021)

I/ PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Căn cứ theo kết quả báo cáo đính kèm các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh;
Trong năm 2020, Ban giám đốc Cty và toàn thể cán bộ công nhân viên đã hoàn thành được nhiều kết quả:

1.1 Các thay đổi về công nghệ

- Tiếp tục nâng cấp công nghệ xử lý nước, điều hành mạng lưới, trực và điều khiển bằng điều khiển tự động, nâng cấp công nghệ trên toàn thể công ty, áp dụng hoá đơn điện tử, phần mềm ghi thu, thay đổi phương án quản lý ghi, thu hiệu quả và tiết kiệm;

1.2 Các phương án thay đổi về công tác quản lý nhân sự

+ Khoán việc, khoán nhân sự, phân công nhiệm vụ cho đội sửa chữa cấp nước và ống nhánh, từng bước điều chỉnh phương án ghi thu và quản lý hệ thống chuẩn thu, thuỷ lượng kế và công tác điều hành sản xuất, áp dụng công nghệ đạt nhiều kết quả;

+ Giảm tỷ lệ thất thoát trên hệ thống xuống còn 15.37%, cũng như điều chỉnh giảm nhân sự quản lý vận hành, hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng mô hình khoán việc tăng hiệu quả và giảm chi phí kết hợp tự động hoá, áp dụng công nghệ và thay đổi chuyển biến trong cơ cấu lao động, tay nghề trình độ và xây dựng sáng tạo, cải cách rõ rệt;

Đảm bảo mức lương bình quân cho người lao động tăng 17,7% so với kế hoạch, nhân sự hiện tại là 39 người trong đó số công nhân có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và đã được đào tạo qua trường lớp tăng so với các năm trước cho thấy đã có sự thay đổi trong trình độ, tay nghề có chuyển biến,

- Việc tạo công việc và hỗ trợ đào tạo, học tập, nâng cao tay nghề, đấu thầu đạt nhiều kết quả, từng bước xây dựng năm lực để đảm bảo công ty đủ điều kiện xin cấp năng lực tổ chức về xây lắp, giám sát, thiết kế trong năm 2022-2023;

- Nhân sự có sự thay đổi, do thay đổi môi trường làm việc, gia đình và sự thay đổi chung về tình hình Covid- dịch bệnh và thay đổi khác của Di Linh nên nhân sự Cty có thay đổi người công nhân nghỉ việc, nhân sự mới xin việc, cán bộ kỹ thuật, nhưng nhìn chung, Cty đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có sự chuyển biến về trình độ đào tạo, chuẩn bị nhân sự cho sự phát triển và chuyển tiếp cho các năm sau;

1.3 Công việc xây dựng cơ bản và các gói thầu, các kết quả xây lắp đạt được trong năm 2020



+ Với doanh thu XDCB năm 2020 từ những công trình bên ngoài vốn ngân sách chủ yếu là đường ống cấp nước để phục vụ cấp nước cho các xã vùng sâu, vùng xa và đang trong giai đoạn triển khai đầu nối ống nhánh để phát triển khách hàng;

+ Cty đã từng bước hoàn thiện năng lực, tham gia các gói thầu từ 1,2 tỷ đến 2,8 tỷ từ các nguồn vốn ngân sách;

1.4 Công tác phòng chống thất thoát và kiểm tra quy chế

- Công tác chống thất thoát đạt rất nhiều kết quả, công tác kiểm tra, giám sát kết hợp giải pháp công nghệ biến tần điều hành mạng, giám áp lực bơm và gắn đồng hồ tổng các nhánh để kiểm soát tốt hơn thất thoát;

- Đảm bảo công tác xả tuyến, xả mạng và hỗ trợ địa phương trong công tác di dời hệ thống phục vụ cho các công trình mở rộng đường giao thông;

1.5 Công tác phát triển đảm bảo công suất cấp nước và chất lượng nước

Các giếng khoan khai thác từ 35 – 72 m³/ giờ ổn định từ chất lượng, lưu lượng và đảm bảo công tác dự phòng đánh dấu những kết quả đạt được của toàn thể công ty trong công tác chuẩn bị nguồn nước và ứng phó với biến đổi khí hậu, kịp thời đưa các giếng vào chạy thử, cung cấp nước kịp thời giờ cao điểm, ngày lễ, tết đảm bảo cấp nước được liên tục;

Năm 2020-2021 sẽ thực hiện xin cấp quyền khai thác, và gia hạn cho các giếng đảm bảo an toàn vùng cấp nước theo đúng quy định;

1.6 Công tác mở rộng cấp nước về các xã năm 2020

Cty đã làm việc với UBND huyện Di Linh, xã Hoà Ninh, Hoà Nam, Đinh Trang Hoà, Tân Châu, Liên Đàm và Đinh Lạc, Tân Nghĩa, để triển khai mở rộng hệ thống cấp nước về các xã, xin thuê, mượn đất chưa sử dụng và lập các phương án để xây dựng nguồn nước, chuẩn bị cho phương án lâu dài cấp nước và mở rộng mạng lưới đã đạt được nhiều sự đồng thuận, ủng hộ để triển khai xây dựng;

2/ PHẦN THỨ HAI: CÁC TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TỒN ĐONG

+ Khó khăn về vốn:

- Hạn chế nguồn vốn đầu tư, Cty có số vốn tái đầu tư hạn chế trong khi nhu cầu mở rộng nâng cấp nguồn nước về các xã đảm bảo sự phát triển khách hàng của Cty, định hướng cải tạo công nghệ cấp nước và chất lượng nước cần được nâng cao;

- Việc đáp ứng nguồn nước để phục vụ cho công trình nước WB21 nên công ty phải đầu tư nâng công suất đảm bảo đủ nguồn nước cho dự án triển khai, tận dụng nguồn vốn đầu tư tuyến ống và đồng hồ từ nguồn vốn hỗ trợ, điều này làm tăng sức ép về vốn chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (**Theo phần phân tích đầu tư để đảm bảo cấp nước cho phần khách hàng tăng thêm từ nay đến hết năm 2022**).

+ Khó khăn về nhân sự, tổ chức và công tác đào tạo phát triển:

- Tổ chức bộ máy Cty hoàn thiện và có đổi mới rõ rệt trong cung cách làm việc và công tác quản lý, đã kịp thời phát hiện ra các lỗ hổng để kịp thời chấn chỉnh và kiểm tra, rà soát để có số liệu chính xác phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh;

- Tư tưởng cán bộ công nhân viên đã từng bước, quen với công nghệ và đảm bảo vai trò với phân công nhiệm vụ mới, nhưng một số bộ phận còn chưa kịp thời thích ứng nên ảnh hưởng nhiều đến công việc;

- Tiền lương và các chế độ chính sách thu hút của Cty, chi phí đào tạo không có, đầu vào lao động chưa được đào tạo bài bản, đúng cách khiến việc phân công nhiệm vụ và triển khai còn gặp rất nhiều khó khăn;

- Khu vực kinh tế vùng miền nên việc tuyển dụng nhân sự gặp nhiều khó khăn;

- Mạng lưới cấp nước mở rộng về các xã Liên Đàm, Tân Châu, Đình Lạc, tân nghĩa, Hoà Ninh, Đình trang hoà và các xã lân cận cần phải có phương án đào tạo, tuyển dụng và tăng cường nhân sự cho việc mở rộng mạng lưới và sự phục vụ tạo nét văn hoá của Cty;

+ Khó khăn về công nghệ:

- Khai thác nước giếng khoan độ sâu, 1 cấp bơm, hệ thống công nghệ cấp nước, xử lý nước lọc hậu, chất lượng nước không đạt, đường ống hư hỏng, bể vỡ gây thất thoát nước, hao tổn nhiều nhân công sửa chữa, vật tư sửa chữa;

- Giếng khoan hệ thống cấp nước Di Linh sử dụng cột nước cao liên tục, không có trạm bơm cấp 2 và bể chứa trung gian khiến tuổi thọ bơm không đảm bảo, bơm hoạt động công suất cao, tổn nhiên liệu năng lượng điện, hao mòn .v.v...

- Các vấn đề tồn đọng khác về kho, vật tư tồn, vật tư hư hao có giá trị nhưng không sử dụng, máy bơm, thiết bị cũng gây khó khăn trong điều hành, quản lý, định giá, thanh lý tài sản;

+ Khó khăn hoạt động kinh doanh nước đóng chai và đề xuất giải pháp:

- Căn cứ bản báo cáo riêng của phân xưởng nước từ năm 2017 đến 2021 đính kèm và tình trạng thực tế của máy móc thiết bị xuống cấp, hết hạn của hồ sơ pháp lý liên quan đến sản xuất, kinh doanh mặt hàng có điều kiện;

- Hoạt động của phân xưởng nước đóng chai cũng có nhiều vướng mắc từ điều hành, bán hàn và nhiều khó khăn liên quan (Từ giai đoạn thành lập đến nay);

- Khó khăn về thị trường và công tác phát triển thương hiệu;

- Khó khăn về vốn đầu tư nâng cấp dây chuyền đã xuống cấp, cạnh tranh thị trường nhỏ, sản phẩm tiêu thụ địa phương nên sản lượng nhỏ;

- Quá trình chuyên môn tập trung vào các hoạt động chính, Cty đã cho thuê lại Chi nhánh nước đóng chai, đảm bảo quản lý chất lượng sản phẩm và đảm bảo duy trì hoạt động của phân xưởng nước đến nay tuy nhiên không hiệu quả;

- Khó khăn thị trường bị ảnh hưởng Covid-19 và khó khăn chung do chi phí/giá bán, đặc biệt là thị trường cạnh tranh khốc liệt, giá bán dưới giá sản xuất, máy móc thiết bị lỗi thời, xuống cấp;

(Đính kèm bảng kê doanh thu cho thuê phân xưởng nước năm 2020)

Đề nghị: Đề nghị Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Cty cho phương án thanh lý đầu giá bán tài sản cố định phân xưởng nước, chấm dứt hoạt động ngành nghề sản xuất nước đóng chai, tập trung các mảng mũi nhọn, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn;

Việc thực hiện thủ tục thanh lý tài sản sẽ giao cho Cty triển khai thực hiện, có giám sát của Ban kiểm soát và báo cáo trực tiếp HĐQT Cty để phê duyệt, thực hiện theo đúng điều lệ;

+ Khó khăn do thời tiết, khí hậu và nguồn nước, khó khăn bể vỡ, hư hỏng do thi công xây dựng đường của thị trấn, của huyện Di linh

Năm 2020, Thời tiết hạn hán kéo dài khiến nguồn nước ngầm giảm từ 4-6 mét dẫn đến công tác sản xuất, cấp nước còn nhiều khó khăn, lượng nước ngầm thiếu

hụt và ban giám đốc đã có báo cáo khẩn cấp để triển khai các nhiệm vụ cấp bách, xin trình trong đại hội phương án bổ sung kế hoạch giai đoạn năm 2021 và đưa vào chương trình kế hoạch giai đoạn 2021 – 2023 để kịp thời ứng phó với các biến động về thời tiết khí hậu;

Vào ngày lễ tết, bắt đầu hụt nước ở các khu cao như Đào Duy từ, Phạm Ngũ Lão và Trần Phú, Ka min và các khu vực trên cao bất lợi áp lực;

Năm 2021, các dự án đường vành đai thi công mở rộng hệ thống giao thông toàn huyện nên bề vỡ, di dời gây thất thoát nước, đường ống, chi phí hỗ trợ di dời cùng địa phương để cùng hoàn thành nhiệm vụ cấp nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương;

3/ PHẦN THỨ BA: KẾ HOẠCH ĐIỀU HÀNH SXKD NĂM 2021 VÀ CÁC CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2023

3.1 Các công trình khẩn cấp, cấp bách cần thiết đã thực hiện để kịp thời xin ý kiến HDQT, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (Năm 2021)

- **Công trình: Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh (Đợt 4 – năm 2021)** để kịp thời chống thất thoát, sửa chữa bề vỡ trên địa bàn huyện Di Linh nâng cấp tuyến ống cấp nước và khắc phục các tuyến ống sửa chữa di dời đảm bảo phù hợp quy định của các công trình mở rộng đường của UBND huyện Di Linh;

- **Công trình: Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hoá Di Linh năm 2021:** để đảm bảo cung cấp nước liên tục cho các khu vực vùng cao, khó khăn trên địa bàn huyện Di Linh;

- **Công trình: Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà năm 2021 đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã**

Xây dựng giếng khoan, bổ sung công nghệ bồn lọc áp lực, hệ thống cấp và châm hóa chất, hệ thống van vận hành và điều khiển xử lý lọc, cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà;

- **Công trình: Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đình Lạc**

Tăng công suất nguồn cấp nước và xây dựng công nghệ xử lý, bể chứa tăng áp và hệ thống điện cung cấp cho trạm bơm đảm bảo phục vụ cung cấp cho 2000- 3.000 hộ dân sử dụng trên địa bàn xã Tân nghĩa, xã Đình Lạc (Phần tuyến ống và đồng hồ đã được đầu tư bằng vốn WB21) để mở rộng hệ thống khách hàng trên toàn huyện Di Linh;

- **Công trình: Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2021:** Duy tu sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, hệ thống nhà trạm và điện, máy bơm cho các trạm bơm đảm bảo an toàn sản xuất, công nghệ và điều khiển tự động, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế phát sinh và khả năng bố trí nguồn kinh phí;

- **Công trình: Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu vực nằm ngoài vùng cấp nước:** Đối ứng cùng nhân dân sử dụng nguồn vốn xã hội hoá và khả năng bố trí nguồn kinh phí để mở rộng phạm vi cấp nước, vùng sản xuất, kinh doanh của Cty;

- **Công trình: Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đồng Lạc 2, Đồng Lạc 4, Tân Lạc 2, xã Đình Lạc;**

- **Công trình: Cấp quyền khai thác và gia hạn quyền khai thác nước đối với các giếng khoan đã hết hạn;**

- **Công trình: Bạt mái tầm khúc** (Công trình di dời khăn cấp tuyến ống D114 PVC đoạn khúc của QL 28- Lê lợi), nhằm kịp thời sửa chữa bể vỡ và di dời phục vụ cho công tác an toàn giao thông của quốc lộ: 28.443.440 đồng, đợi chủ đầu tư xin ý kiến để có kinh phí hỗ trợ từ ban an toàn giao thông của UBND huyện Di Linh;

4/ ĐỐI VỚI CÁC CÔNG VIỆC ĐỂ CHUẨN BỊ CHO LẬP DỰ ÁN 2021-2023:

+ Đã và đang thực hiện giai đoạn Lập báo cáo lập dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước giai đoạn 2021 – 2023 và tầm nhìn đến 2030 với từng bước khảo sát thăm dò và thương thảo các khu đất dự kiến như:

- Lập dự án báo cáo dự án đầu tư xây dựng công trình: **Sử dụng nguồn nước của Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh làm nguồn nước cung cấp nước cho Dự án: Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;** Hiện nay do Cty TNHH MTV Tư vấn đầu tư xây dựng Nam An đang tiến hành các thủ tục khảo sát, lập đề cương nhiệm vụ và triển khai đề trình HĐQT Cty phê duyệt; *(Xin trình trước đại hội đồng cổ đông để xác định cho chủ trương đầu tư hay bàn phương án triển khai cơ sở ban đầu để Ban giám đốc Cty thực hiện nhiệm vụ)*

Đối với các công việc để chuẩn bị cho triển khai xây dựng, Đề nghị Đại hội thông qua chủ trương để giao giám đốc điều hành tiến hành lập hồ sơ tư vấn, xin cấp phép và triển khai để có tổng mức đầu tư trình ra đại hội xem xét thống nhất danh mục các công trình giai đoạn 2021 – 2023 và cân đối khả năng bố trí nguồn vốn đầu tư;

Do hạn chế nguồn vốn của Cty trong năm 2021-2022 phải kết hợp với phương án trả dần gốc vay hàng năm, xin trình kế hoạch tổng mức đầu tư cho từng công trình để lập tính toán thiết kế công trình đồng bộ, việc triển khai xây dựng Ban giám đốc sẽ căn cứ thực tế nguồn vốn để xây dựng công trình và hoàn thiện công trình theo từng giai đoạn bố trí vốn;

Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021- 2023: Nguồn vốn chủ yếu tập trung từ các nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu kết hợp nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng ngân hàng hoặc vay từ cổ đông của Cty, theo bảng phân tích tài chính, kế toán của tài liệu đính kèm;

(Đính kèm là danh mục kế hoạch công trình 2021 – 2023)

4/ PHẦN THỨ TƯ: CÁC ĐỀ XUẤT KHÁC

Đề xuất khác để thực hiện đúng đối với các nhiệm vụ được giao, điều lệ Cty, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật, đề nghị HĐQT trình ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết các vấn đề lớn như Bổ sung thành viên HĐQT, Bổ sung sửa đổi một số điều trong Điều lệ Cty, Đề xuất các nhiệm vụ chủ trương đầu tư năm 2021 và mở rộng một số công việc để có bước chuẩn bị số liệu của Giám đốc Cty cho triển khai chuẩn bị bước thu thập số liệu, khảo sát, để lập dự án, lập BCKTKT, dự toán các hạng mục sẽ trình giai đoạn 2022- 2025;

Việc đầu tư nước mặt Kala là chủ trương lớn của Cty, xin được có chủ đề được đưa ra bàn, cho định hướng để Cty có bước chuẩn bị số liệu ban đầu;

4/ PHẦN KẾT: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt kế hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2023 để xác định chuẩn bị để xây dựng và phát triển giai đoạn 2025;

Công ty đứng trước nhiều thử thách và cơ hội để phát triển nhưng cũng chịu khó khăn chung của nền kinh tế trong thời điểm này, mọi nguồn lực chỉ tập trung



nâng cấp nguồn nước, tận dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách và chương trình mục tiêu quốc gia để mở rộng mạng lưới để mở rộng, cũng như tập trung nâng cao chất lượng nước và phục vụ, chống thất thoát là các nhiệm vụ trong năm 2021 và hướng đến năm 2025;

Một số nội dung đầu tư mang tính cấp bách đề nghị Đại hội đồng cổ đông HĐQT Cty để phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư, phân bổ vốn hoặc điều chỉnh nguồn vốn để phù hợp với thực tế, sẽ trình ra kỳ Đại hội đồng cổ đông báo cáo gần nhất để phù hợp thực tế;

Năm 2021 là bước đệm xây dựng các nền tảng phát triển lâu dài, ổn định, chuẩn bị mở rộng vùng cấp nước ra các xã, đảm bảo tận dụng các chế độ, chính sách và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, đảm bảo vùng cấp nước không để các doanh nghiệp cạnh tranh cùng ngành có cơ hội đầu tư vào thị trường huyện Di linh,

Rất mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC DŨNG



DƯ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH (DILIWACO)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số :	Số 5800831612 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm đồng cấp lần đầu vào ngày 09/11/2009 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 21/8/2020.
Vốn điều lệ:	14.980.000.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	14.980.000.000 đồng.
Địa chỉ:	Số 524, đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng.
Số điện thoại :	02.633.870437
Số Fax:	02.633.765384.
Webside	diliwaco.com

PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Căn cứ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên của cty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh, tổ chức vào ngày 25 tháng 5 năm 2020 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh trong năm 2020;

Trong năm 2020, Ban giám đốc Cty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã tổ chức sản xuất kinh doanh và đã được nhiều kết quả như sau:

1.1 Sản lượng và Doanh thu cấp nước trong năm 2020:

CHỈ TIÊU	Sản lượng nước sạch (m3)			Doanh thu nước sạch(đồng)		
	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ
Sản lượng/Doanh thu	1.290.116	1.311.925	101,7	11.004.784.860	12.412.034.240	112,8
Giá bán bình quân đ/m3		8.530			9.461	110,9
Số tiền giảm nước sạch trong thời kỳ COVID 19					353.719.455	VND

Sản lượng nước sạch thương phẩm năm 2020 tăng 1,7% và doanh thu nước sạch tăng 12,8% và giá bán bình quân tăng 10,9%. Bên cạnh đó chi phí điện sản xuất được giảm 10% theo chương trình Giảm Covid 2019 của ngành điện, từ đó góp phần tăng lợi nhuận trước năm 2020 lên.



DỰ THẢO

1.2 TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày: 01/01/2020 đến ngày : 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4.714.043.059	5.693.006.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	230.323.730	814.368.620
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	964.945.734	2.279.758.339
IV. Hàng tồn kho	140	3.376.045.381	2.466.273.846
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	142.728.214	132.605.396
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	25.128.474.796	22.203.460.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	20.596.154.640	16.966.192.819
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.193.923.479	2.360.922.343
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2.338.396.677	2.876.345.010
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	29.842.517.855	27.896.466.373
NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	12.680.616.089	11.988.977.914
I. Nợ ngắn hạn	310	12.586.151.045	11.902.977.914
II. Nợ dài hạn	330	94.465.044	86.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	17.161.901.766	15.907.488.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	17.161.901.766	15.907.488.459
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440	29.842.517.855	27.896.466.373

1.3 Kết quả sản xuất kinh doanh (Báo cáo đã kiểm toán độc lập)



DỰ THẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Từ ngày: 01/01/2020 Đến ngày: 31/12/2020</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15.843.789.474	16.395.260.358	96,64
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15.843.789.474	16.395.260.358	96,64
4. Giá vốn hàng bán	11	11.307.090.377	12.527.509.937	90,26
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.536.699.097	3.867.750.421	117,30
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	401.825	219.078	183,42
7. Chi phí tài chính	22	676.894.636	197.814.590	342,19
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	676.894.636	197.814.590	342,19
8. Chi phí bán hàng	24	420.218.144	438.369.057	95,86
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.848.784.097	2.186.036.103	84,57
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.591.204.045	1.045.749.749	152,16
11. Thu nhập khác	31	1.354.386.211	612.078.363	221,28
12. Chi phí khác	32	1.188.158.382	269.166.982	441,42
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	166.227.829	342.911.381	48,48
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.757.431.874	1.388.661.130	126,56
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	285.883.588	280.311.338	101,99
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.471.548.286	1.108.349.792	132,77
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	982	781	125,86

1.4 Dự kiến phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.



DỰ THẢO

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.471.548.286
2	Trích 02 Quỹ theo điều lệ công ty	đồng	294.309.657
	+ Quỹ đầu tư phát triển 10%	đồng	147.154.829
	+ Quỹ Khen thưởng-Phúc lợi 10%	đồng	147.154.829
3	Trích thù lao cho HĐQT-BKS năm 2020	đồng	160.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	đồng	1.017.238.629
5	Vốn điều lệ công ty tại 31/12/2020	đồng	14.980.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	6,79

1.4 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Tỷ lệ so sánh %
Tổng giá trị tài sản	27.896.466.373	29.842.517.855	106,98
Doanh thu thuần	16.395.260.358	15.843.789.474	96,64
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.045.749.749	1.591.204.045	152,16
Lợi nhuận khác	342.910.954	166.277.829	48,49
Lợi nhuận trước thuế	1.388.660.703	1.757.431.874	126,56
Lợi nhuận sau thuế	1.108.349.365	1.471.548.286	132,77

1.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Biến động
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,0268	0,7306	(0,30)
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,151	0,0367	(0,11)
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,98	42,3	(0,68)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	75,37	73,32	(2,05)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,93	3,93	-
Vòng quay tài sản	Vòng	0,56	0,55	(0,01)
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,76	9,29	2,53
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	6,97	8,57	1,60
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,97	4,95	0,98
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	8,47	11,09	2,62



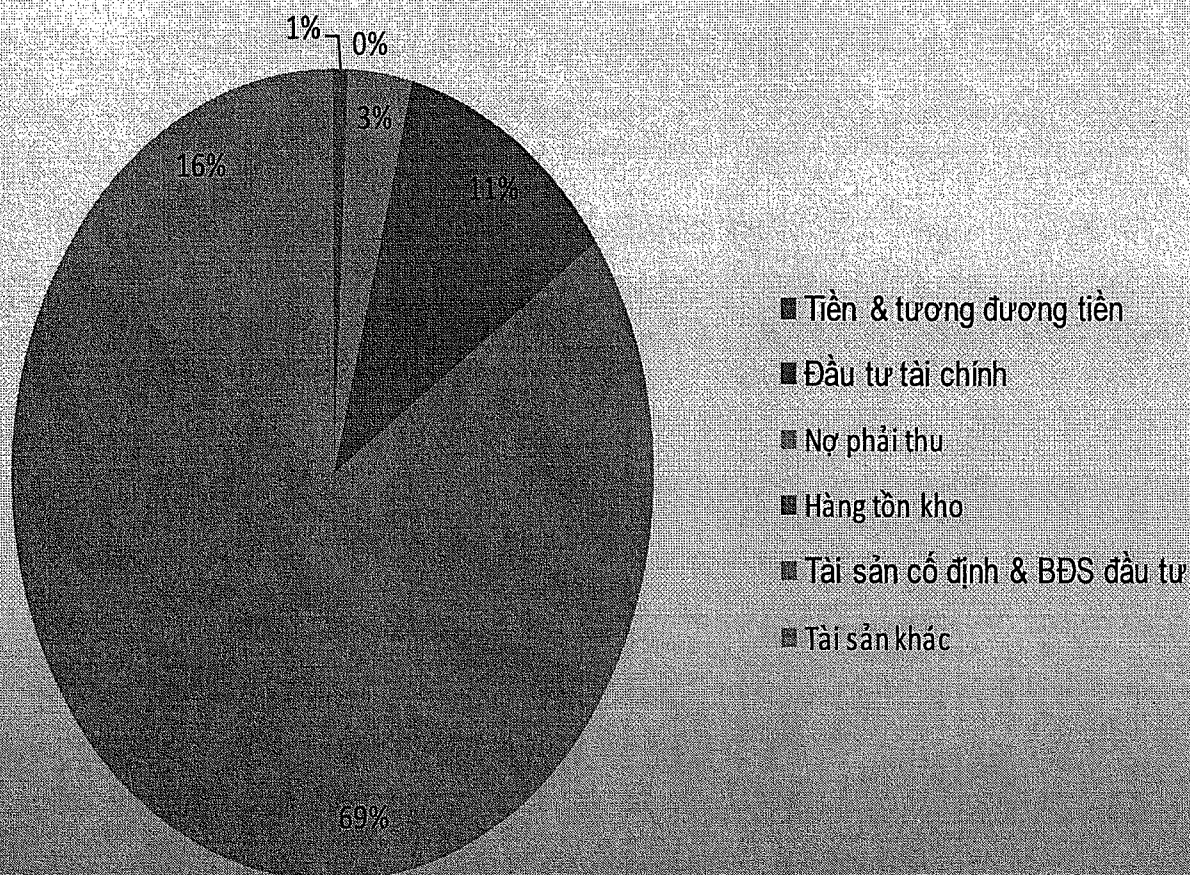
DỰ THẢO

1A. Biểu đồ phân tích các tỷ trọng tài sản

Kỳ phân tích

TT	Chỉ tiêu cấu thành tài sản trong phân tích	Giá trị	% làm tròn
#	Tổng tài sản	29.842.517.855	100%
1	Tiền & tương đương tiền	230.323.730	1%
2	Đầu tư tài chính	-	0%
3	Nợ phải thu	964.945.734	3%
4	Hàng tồn kho	3.376.045.381	11%
5	Tài sản cố định & BĐS đầu tư	20.596.154.640	69%
6	Tài sản khác	4.675.048.370	16%

Cơ cấu tài sản doanh nghiệp cuối kỳ phân tích





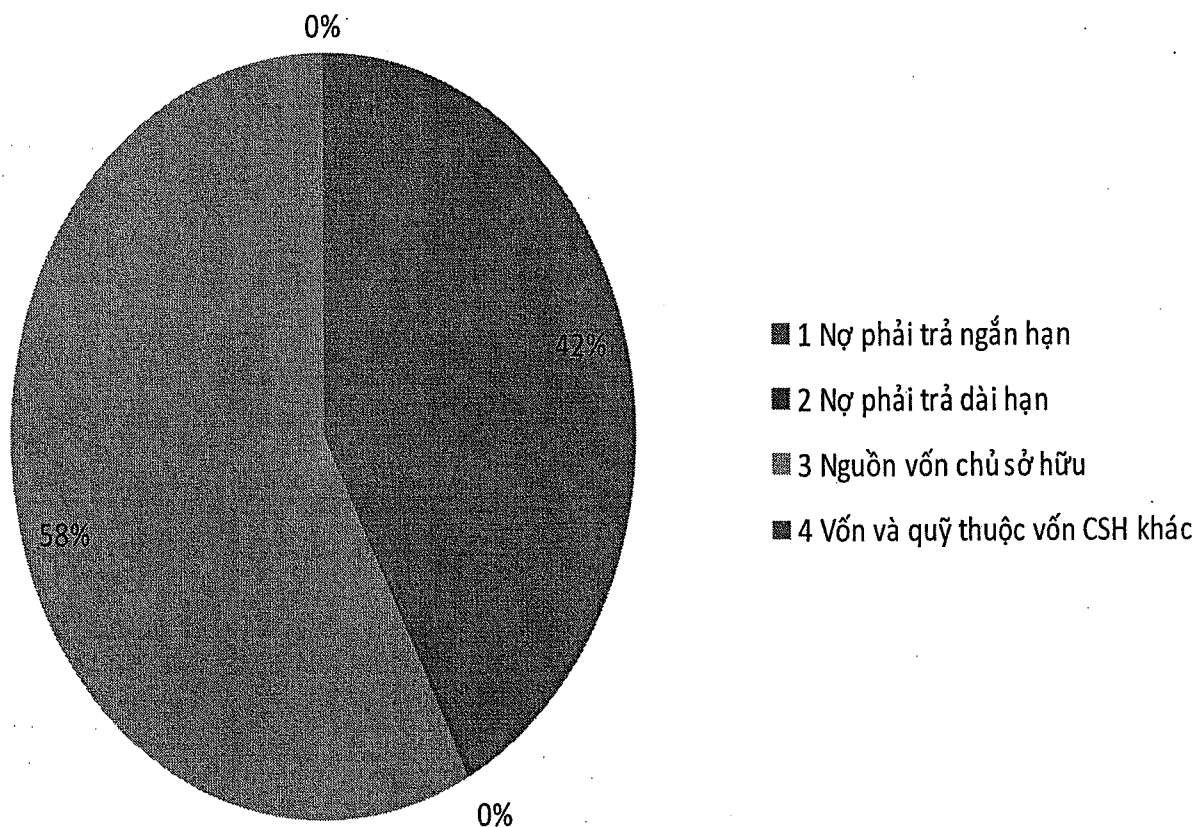
DỰ THẢO

2A. Biểu đồ phân tích các tỷ trọng nguồn vốn

Kỳ phân tích

TT	Chỉ tiêu cấu thành nguồn vốn kỳ phân tích	Giá trị	% làm tròn
#	Tổng nguồn vốn	29.842.517.855	100%
1	Nợ phải trả ngắn hạn	12.586.151.045	42%
2	Nợ phải trả dài hạn	94.465.044	0%
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	17.161.901.766	58%
4	Vốn và quỹ thuộc vốn CSH khác	-	0%

Biểu đồ phân tích cơ cấu vốn kỳ này



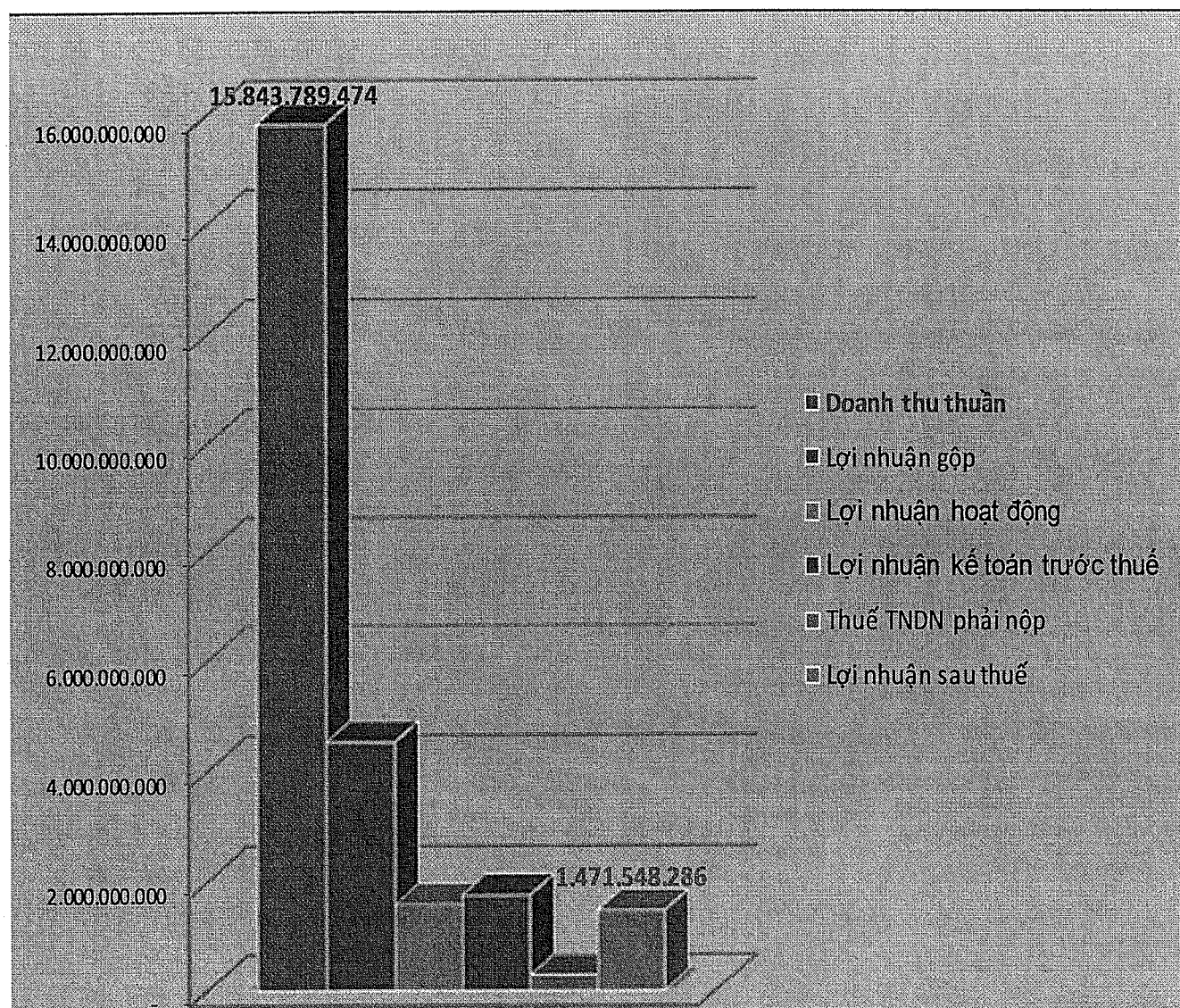


DỰ THẢO

3A. Biểu đồ phân tích lợi nhuận / doanh thu thuần

Kỳ phân tích

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	% so với DTT
#	Doanh thu thuần	15.843.789.474	100%
1	Lợi nhuận gộp	4.536.699.097	29%
2	Lợi nhuận hoạt động	1.591.204.045	10%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.757.431.874	11%
4	Thuế TNDN phải nộp	285.883.588	2%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.471.548.286	9%





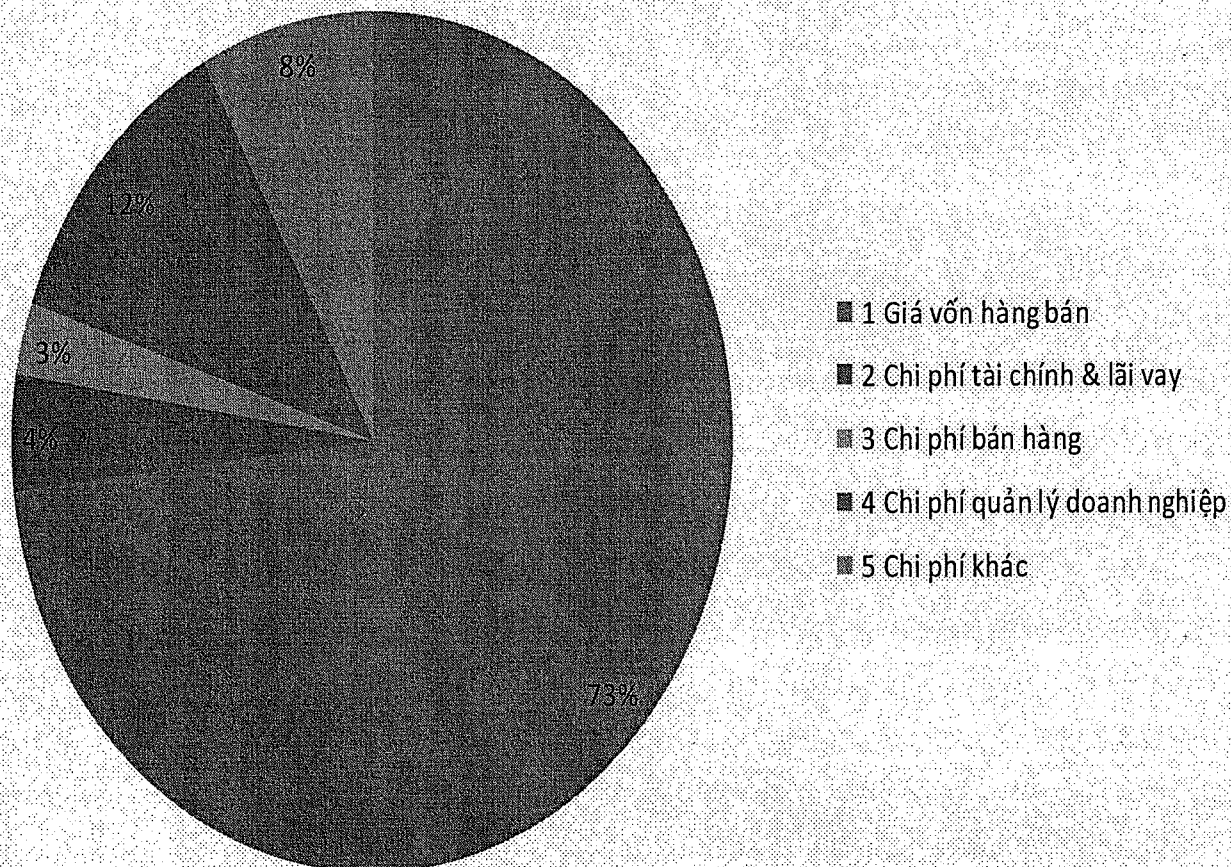
DỰ THẢO

4A. Biểu đồ cơ cấu chi phí

Kỳ phân tích

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%
#	Tổng chi phí	15.441.145.636	100%
1	Giá vốn hàng bán	11.307.090.377	73%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	676.894.636	4%
3	Chi phí bán hàng	420.218.144	3%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.848.784.097	12%
5	Chi phí khác	1.188.158.382	8%

Tỷ trọng chi phí trong tổng chi phí doanh nghiệp



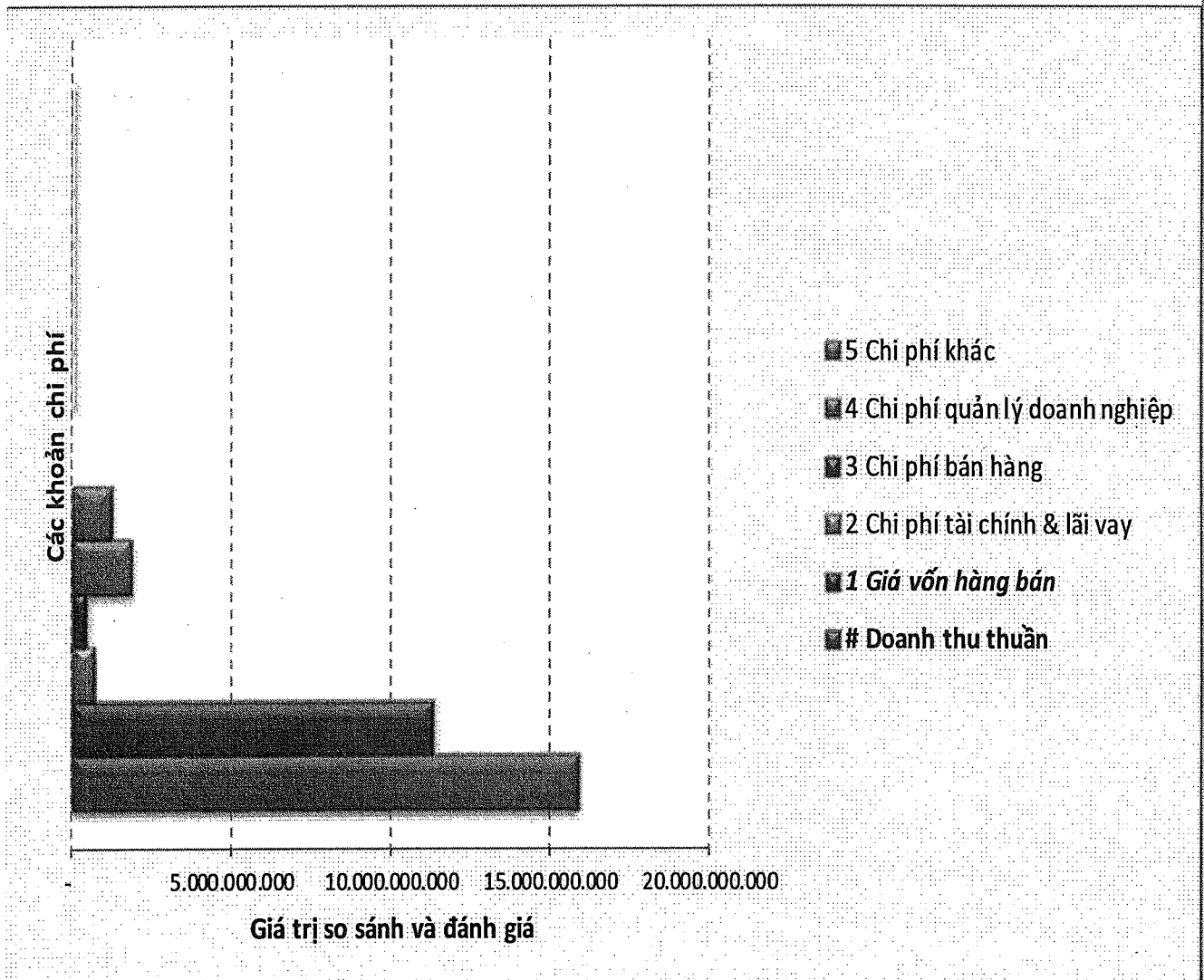


DỰ THẢO

5A. So sánh các khoản chi phí với doanh thu thuần

Kỳ phân tích

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%~
#	Doanh thu thuần	15.843.789.474	100%
1	Giá vốn hàng bán	11.307.090.377	71%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	676.894.636	4%
3	Chi phí bán hàng	420.218.144	3%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.848.784.097	12%
5	Chi phí khác	1.188.158.382	7%





DỰ THẢO

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

2.1 Cổ phần (tính đến 31/12/2020)

✓ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 14.980.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 14.980.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông

✓ Cơ cấu cổ đông

2.2 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2020.

Tính đến 31/12/2020 số lượng cổ đông hiện hữu của Công ty là: **37 cổ đông** nắm giữ: **1.498.000** cổ phiếu phổ thông.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	Cổ đông trong nước	1.498.000	14.980.000.000	100,00
	Cổ đông tổ chức	575.218	5.752.180.000	38,40
	Cổ đông cá nhân	922.782	9.227.820.000	61,60
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Cổ đông tổ chức	0	0	0
	Cổ đông cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
IV	Tổng cộng (I + II + III)	1.498.000	14.980.000.000	100,00

2.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 nhất trí thông qua việc chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với số lượng **78.000** cổ phiếu tương đương với **780.000.000** đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) đã làm nguồn vốn của chủ sở hữu tăng lên **5,5%**; từ **14.200.000.000** đồng lên **14.980.000.000** đồng.

2.4 Tình hình chuyển nhượng cổ phiếu phổ thông trong năm 2020.

Trong năm có 8 lượt cổ đông công ty chuyển nhượng cổ phần với tổng số cổ phần giao dịch thành công là: **22.959** Cổ phần.

3. Báo cáo thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020.



DƯ THẢO

THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020						
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ %	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Nước sản xuất	<i>m3</i>	1.670.788	1.550.279	97,53	92,8
a	Di Linh		1.558.300	1.428.119	96,25	91,6
b	Hòa Ninh		112.488	122.160	115,56	108,6
2	Nước Ghi thu	<i>m3</i>	1.341.722	1.311.925	101,69	97,8
a	Di Linh		1.237.566	1.206.185	100,64	97,5
b	Hòa Ninh		104.156	105.740	115,44	101,5
3	Tỷ lệ thất thoát	<i>%</i>	19,70	15,37	81,62	78,1
a	Di Linh		20,58	15,54	80,83	75,5
b	Hòa Ninh		7,41	13,44	100,65	181,5
4	Tổng doanh thu	<i>đồng</i>	15.418.766.173	15.080.037.124	88,74	97,8
a	Doanh thu cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	12.788.766.173	12.412.034.240	112,79	97,1
b	Doanh thu XDCB và thi công công trình	<i>đồng</i>	2.000.000.000	1.501.712.263	32,59	75,1
c	Doanh thu lắp đặt Chiết tính	<i>đồng</i>	550.000.000	586.997.652	100,67	106,7
d	Doanh thu mua bán vật tư ngành nước	<i>đồng</i>	50.000.000	510.442.958	483,39	1.020,9
e	Doanh thu Khác	<i>đồng</i>	30.000.000	68.850.011	9,95	229,5
5	Giá bán nước sạch	<i>đ/m3</i>	9.532	9.461	110,91	99,3
6	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	40	36	90,00	90,0
7	Quản Lý	<i>người</i>	3	3	100,00	100,0
8	Quỹ lương quản lý	<i>đ/năm</i>	660.000.000	660.000.000	106,49	100,0
a	Giám đốc	<i>đ/năm</i>	252.000.000	252.000.000	106,49	100,0
b	P.Giám đốc	<i>đ/năm</i>	216.000.000	216.000.000	106,49	100,0
c	Kế toán trưởng	<i>đ/năm</i>	192.000.000	192.000.000	106,49	100,0
9	CBCNV công ty					
a	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	40	39	97,50	97,5
b	Tổng quỹ lương CBCNV	<i>đồng</i>	3.429.044.000	3.941.036.966	91,01	114,9
c	Tổng quỹ lương cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	2.192.400.000	2.259.124.307	108,20	103,0
d	Tổng quỹ lương XDCB công trình nhận thi công	<i>đồng</i>	285.800.000	119.620.000	18,16	41,9
e	Nguồn lương trung tâm xây lắp		-	-	-	-
f	Tổng quỹ lương XDCB TSCD vốn Công ty	<i>đồng</i>	200.000.000	578.587.458	316,13	289,3
k	Quỹ lương Lắp đặt chiết tính	<i>đồng</i>	253.000.000	426.772.196	157,89	168,7
l	Quỹ lương quản lý dự án		90.000.000	88.231.619	75,21	98,0
m	Quỹ lương khác (Ăn ca,niêm chi...)	<i>đồng</i>	407.844.000	468.701.386	121,63	114,9
10	Thu nhập bình quân CBCNV	<i>ng/tháng</i>	7.143.842	8.409.000	93,21	117,7
11	Vốn Điều lệ công ty	<i>đồng</i>	14.200.000.000	14.980.000.000	105,49	105,5
12	Khách hàng	<i>Hộ</i>	9.082	9.331	119,90	102,7
a	Khách hàng tại Di Linh (gồm 1.159 KH dự án)	<i>Hộ</i>	8.221	8.531	121,51	103,8
b	Khách hàng tại HN-ĐTH (39 KH dự án)	<i>Hộ</i>	861	800	105,12	92,9
c	Tỷ lệ tồn thu	<i>%</i>	< 1	0,4714	100,00	100,0
13	Lợi nhuận trước thuế TNDN	<i>đồng</i>	1.512.000.000	1.757.431.874	126,56	116,2
14	Mức KHTSCĐ	<i>đồng</i>	1.525.000.000	1.517.307.410	86,46	99,5
15	Mức Phân bổ ngắn - dài hạn	<i>đồng</i>	1.415.000.000	1.400.046.365	104,69	98,9
16	Tổng thuế phí nộp NSNN	<i>đồng</i>	2.214.932.786	1.750.038.378	91,03	79,0
a	Thuế các loại	<i>đồng</i>	1.000.000.000	617.828.475	69,25	61,8
b	Phí bảo vệ môi trường nước sạch s.hoạt	<i>đồng</i>	1.214.932.786	1.132.209.903	109,88	93,2

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**



DỰ THẢO

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ %	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
17	Tổng Mức đầu tư XDCB	đồng	5.109.800.000	6.592.100.723	84,17	129,0
a	Mua sắm hình thành tài sản cố định	đồng	3.400.000.000	5.147.269.231	96,63	151,4
b	Lắp đặt theo Ống nhánh theo NĐ 117	đồng	800.800.000	651.238.765	102,66	81,3
c	Chuyển nhượng quyền Sử dụng đất	đồng	-	-	-	-
d	Mua sắm tài sản ngắn hạn	đồng	155.000.000	88.581.817	71,36	57,1
e	Mua sắm tài sản dài hạn	đồng	754.000.000	705.010.910	61,02	93,5
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.260.000.000	1.471.548.286,0	132,77	116,8
19	Dự Kiến phân phối lợi nhuận					
a	Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	đồng	252.000.000	294.309.657	132,77	116,8
b	Thù lao HĐQT-BKS	đồng	156.000.000	160.000.000	109,22	102,6
c	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.200.000.000	14.980.000.000	105,49	105,5
20	Chia cổ tức	đồng	852.000.000	1.017.238.629	137,43	119,4
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,00	6,79	130,28	113,2

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán, phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

3.2 Phân tích các khoản nợ phải trả tại ngày 31.12.2020: 12.680.616.089^d, chi tiết :

STT	Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.999.672.184	23,66	Chi tiết danh sách kèm theo
2	Người mua trả tiền trước	1.503.436.000	11,86	
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	548.244.681	4,32	
4	Phải trả người lao động	909.892.592	7,18	
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	135.122.259	1,07	
6	Phải trả khác	269.783.329	2,13	
7	Vay	6.220.000.000	49,05	
8	Phải trả dài hạn khác	94.465.044	0,74	
	Cộng	12.680.616.089	100,00	

3.2 Phân tích các khoản nợ phải thu tại ngày 31.12.2020: 964.945.734^d, chi tiết :



DỰ THẢO

STT	Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ %	Ghi chú	
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	545.393.460	56,52	Chi tiết danh sách kèm theo	
trong đó	+ Khách hàng sử dụng nước sạch	58.510.745	10,73		
	+ Khách hàng xây dựng cơ bản	486.882.715	89,27		
2	Trả trước cho người bán	33.000.000	3,42		
3	Các khoản phải thu khác	386.552.274	40,06		
trong đó	+ Tạm ứng nhân viên	123.648.256	31,99		
	+ Phải thu khác	212.002.828	54,84		
	+ Ký quỹ/Ký cược	37.000.000	9,57		
Cộng		964.945.734	100,00		

3.3 Tổng hợp, phân tích doanh thu và chi phí năm 2020:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	17.198.175.775
	+ Doanh thu CẤP NƯỚC SẠCH	VND	12.412.034.240
	+ Doanh thu XDCB CÔNG TRÌNH	VND	2.262.730.585
	+ Doanh thu lắp đặt ống nhánh	VND	589.446.043
	+ Doanh thu BÁN LẺ VẬT TƯ	VND	510.442.958
	+ Doanh thu từ dịch vụ đóng mở nước	VND	12.317.468
	+ Doanh thu cho thuê tài sản	VND	56.818.180
	+ Thu nhập khác	VND	1.354.386.301
2	Giá vốn hàng bán	VND	11.307.090.378
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	VND	4.285.388.480
	- Chi phí nhân công trực tiếp	VND	3.078.115.719
	- Chi phí sản xuất chung	VND	3.943.586.179
3	Chi phí tài chính	VND	676.894.636
4	Chi phí bán hàng	VND	419.816.408
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	1.848.784.097
	+ Chi phí nhân viên quản lý	VND	747.281.798
	+ Chi phí vật liệu quản lý	VND	213.320.947
	+ Chi phí xăng xe-công tác phí	VND	158.786.639
	+ Chi phí tiếp khách, khánh tiết, quan hệ	VND	319.557.107
	+ Thuế, phí và lệ phí	VND	82.716.697
	+ Chi phí đào tạo, nâng cao nghiệp vụ	VND	36.000.000
	+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND	20.295.067
	+ Chi phí bằng tiền khác	VND	270.825.842
6	Chi phí khác	VND	1.188.158.382
7	Lãi lỗ trước Thuế TNDN	VND	1.757.431.874

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**



DỰ THẢO

ĐỐI TƯỢNG	TÊN CÔNG TRÌNH-HẠNG MỤC NHẬN THI CÔNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
CTN01	THÔN 2/3/4 ĐÌNH TRẠNG HÒA	26.887.537	Hoàn thành, chưa nghiệm thu và quyết toán
CTN02	CÔNG TRÌNH KAROTSORK-BẢO THUẬN	351.201.549	' "
CTN03	KAO QUYNH	195.559.323	' "
CTN10	NƯỚC SẠCH HOÀ BẮC- HỢP ĐỒNG 20/2019 NGÀY 25/11/2019	64.336.988	' "
CTN11	NƯỚC TỰ CHẢY SƠN ĐIỀN	289.247.316	' "
CTN13	VỐN NTM 135-THÔN 9-LIÊN ĐẦM	18.889.670	' "
CỘNG		946.122.383	
GKBAOLAM	THỎI RỬA GIẾNG KHOAN HUYỆN BẢO LÂM	6.464.209	Chưa hoàn công- nghiệm thu và quyết toán
GSNSNTTLDONG	GIÁM SÁT TC MR ĐẦU NỐI HTCNSH HUYỆN DI LINH CẤP CHO XÃ ĐÌNH LẠC, LIÊN ĐẦM, BẢO THUẬN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ VAY VỐN NGÂN HÀNG THẾ GIỚI	3.954.545	' "
MRNTCHOABAC	MỞ RỘNG NƯỚC SẠCH TỰ CHẢY XÃ HOÀ BẮC HỢP ĐỒNG 25/2020 NGÀY 28/10/2020;	229.789.258	' "
CỘNG		240.208.012	
CTN04	BẠT MÁI TÂM KHÚC	28.443.440	Chưa có Hồ sơ
CTN07	DỰ ÁN MỞ RỘNG HTCN CÁC XÃ TÂN CHÂU, ĐÌNH LẠC, TÂN NGHĨA	146.583.989	' "
CTN08	DỰ ÁN XD MNN HỒ KALA 5000M3/NGÀY	53.497.909	' "
DDHUYENUY	DI DỜI ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC TRONG SÂN MÓNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA HUYỆN ỦY DI LINH	23.253.596	' "
CỘNG		251.778.934	
CỘNG		1.438.109.329	

4. BÁO CÁO DANH MỤC CÔNG TRÌNH TẠI NGÀY 31.12.2020.

Phân tích: 1.438 triệu đồng là khoản chi phí (Bao gồm vật tư, nhân công, chi phí khác....) để phục vụ cho các công trình nhận thi công bên ngoài tại ngày 31.12.2020 đang dở dang và chờ quyết toán.



DỰ THẢO

4.1 CÁC CÔNG TRÌNH XDCB DỜ DANG TẠI CÔNG TY

ĐỐI TƯỢNG	TÊN CÔNG TRÌNH- HẠNG MỤC XDCB CTY	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
CT001	NÂNG CẤP HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DI LINH GIAI ĐOẠN 2	100.000.000	Có trong NQ Đại Hội
CTTB2019	NÂNG CẤP NGUỒN NƯỚC CÁC GIẾNG KHOAN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH ĐẢM BẢO NGUỒN NƯỚC CUNG CẤP- GĐ1 (CẢI TẠO TRẠM BƠM 2019)	519.407.858	' "
T5TANCHAU	TUYẾN ỐNG CẤP NƯỚC THÔN 5 XÃ TÂN CHÂU (ĐƯỜNG SỐ 9,10,19)	200.442.768	' "
TTVH	KHOAN KHẢO SÁT GIẾNG TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA DI LINH	185.115.549	' "
CỘNG		1.004.966.175	
D63LVTAM	TUYẾN ỐNG D63 ĐƯỜNG LÊ VĂN TÁM	18.446.476	Bổ sung QĐ HĐQT
D63TRANPHU	CT TUYẾN ỐNG D63 HDPE ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	16.493.890	' "
HNDTH 2019	CT HÒA NINH- ĐÌNH TRANG HÒA TUYẾN ỐNG SONG SONG CTY ĐẦU TƯ	28.597.368	' "
KG2019	HỆ THỐNG KHOAN GIẾNG	292.823.040	' "
KGHNDLTNGH IA	KHOAN GIẾNG CUNG CẤP NGUỒN NƯỚC SINH HOẠT TẠI XÃ HÒA NAM, ĐÌNH LẠC, TÂN NGHĨA	21.062.283	' "
KQDL2019	CT KAO QUYNH - ĐÌNH LẠC TUYẾN SONG SONG CTY ĐẦU TƯ	76.156.953	' "
KSBT 2019	CT KROT SOK - BẢO THUẬN TUYẾN ỐNG SONG SONG CTY ĐẦU TƯ	85.701.986	' "
NSLIEN	ĐƯỜNG ỐNG TRỤC CHUNG NGÔ SỸ LIÊN	1.730.620	' "
T9LD 2019	CT LIÊN ĐĂM - TUYẾN ỐNG SONG SONG CÔNG TY ĐẦU TƯ	39.365.283	' "
VPCTYGD3	NÂNG CẤP VÁN PHÒNG CÔNG TY GIAI ĐOẠN 3	122.449.898	' "
X3.4LKUGRE	ĐƯỜNG ỐNG TRỤC CHUNG XÓM 3, XÓM 4 THÔN LĂNG KÚ, XÃ GUNG RÉ	15.129.556	' "
CỘNG		717.957.353	
CT003	ĐẤT ĐÌNH TRANG HOÀ (145,8M2)-VŨ THỊ LỰA	246.000.000	Đất đai
CT004	ĐẤT NGUYỄN TRUNG TRỰC (100M2) HOÀNG VĂN SƠN	225.000.000	' "
CỘNG		471.000.000	
TỔNG CỘNG		2.193.923.528	

Phân tích : 2.193 triệu đồng là các khoản chi phí đã bỏ ra (bao gồm vật tư, nhân công, chi phí khác....) để phục vụ cho việc xây dựng tài sản tại công ty còn dở dang chưa quyết toán tại ngày 31.12.2020.

+ 1.004 triệu các công trình XDCB là số dư phát sinh tại ngày 31/12/2020 thực hiện trong danh mục đầu tư của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh thông qua ngày 29/5/2020

+ 717 triệu là danh mục các công trình XDCB phát sinh thêm tại ngày 31/12/2020 bao gồm các đường ống đối ứng cùng các hộ dân theo hình thức trục chung, các đường ống song song với CT thi công đường nội thị để đảm bảo mặt bằng thi công, công trình đã trình xin UBND tỉnh bố trí nguồn vốn



DƯ THẢO

di dời (1.7 tỷ và 950 triệu), trong quá trình thực hiện đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị, để xin thực hiện trước một phần hạng mục công việc để kịp giải phóng mặt bằng, Trình Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh chấp thuận cho đầu tư trong kỳ đại hội cổ đông thường niên.

Vấn đề đất đai:

+ 471 triệu cho 145,8m² đất Nông nghiệp sang nhượng của Bà Vũ Thị Lụa- Thôn 3 xã Đinh Trang Hòa năm 2016, Giá sang nhượng là 246.000.000^d; mục tiêu: Hệ thống cấp nước 02 xã phía Tây Di Linh là Hòa Ninh và Đinh Trang Hòa và 100m² Ông Hoàng Văn Sơn- 88- Nguyễn Trung Trực-Thị trấn Di Linh năm 2019; mục tiêu: Trạm bơm G9. Hai mảnh đất này; Tổng diện tích: 245,8 m² chưa có chứng nhận quyền sử dụng đất với công ty nên vẫn còn trên dờ dang của báo cáo và chưa đưa vào chi phí khấu hao hay phân bổ của công ty hàng năm; Đề xuất Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông cho phép phân bổ khoản chi phí bỏ ra mua đất đai này trong vốn 10 năm. Trong thời gian này song song liên hệ với các sở ban ngành xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định;

4.2 Các Khoản ngân sách nợ công ty từ công trình:

MÃ	TÊN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ	TÊN CÔNG TRÌNH	SỐ DƯ CHƯA THANH TOÁN CHO CTY	TÌNH TRẠNG
KH03	UBND XÃ SƠN ĐIỀN	THI CÔNG SỬA CHỮA, NÂNG CẤP XỬ LÝ LỌC VÀ TUYẾN ỐNG PHÂN PHỐI SƠN ĐIỀN	115.618.895	Chưa bố trí được vốn
KH04	UBND XÃ LIÊN ĐẦM	THI CÔNG CT CẤP NƯỚC SINH HOẠT THÔN 9 XÃ LIÊN ĐẦM	27.764.949	Tiền bảo hành công trình
KH05	UBND XÃ ĐÌNH TRANG HOÀ	CÔNG TRÌNH THÔN 2A-2B- THÔN 4-ĐÌNH TRANG HOÀ	1.151.723	
KH06	UBND XÃ TÂN NGHĨA	THI CÔNG NÂNG CẤP CTCN TẬP TRUNG THÔN KBRA, XÃ TÂN NGHĨA	131.497.399	Chưa bố trí được vốn
KH07	UBND XÃ ĐÌNH LẠC	CÔNG TRÌNH KA QUYNH-ĐÌNH LẠC	52.799.339	Tiền bảo hành công trình
KH08	PHÒNG Y TẾ-TRUNG TÂM Y TẾ DI LINH	HỢP ĐỒNG SỐ 10/2019	73.688.001	Chưa bố trí được vốn
KH12	UBND XÃ BẢO THUẬN	THI CÔNG CT CẤP NƯỚC SINH HOẠT THÔN KROT SOK- XÃ BẢO THUẬN	54.755.697	Chưa bố trí được vốn
KH13	UBND THỊ TRẤN DI LINH	THI CÔNG HỆ THỐNG TRỤ CHỮA CHÁY THỊ TRẤN DI LINH	27.908.243	Tiền bảo hành công trình
CỘNG			485.184.246	

Tính đến ngày 31.12.2020 khi nhận công trình ngoài và quyết toán theo từng giai đoạn thì vốn ngân sách còn đang nợ công ty là: 485 triệu đồng. Cụ thể theo danh sách kèm theo. Các công trình trên đã thực hiện quyết toán trọn gói hoặc quyết toán giai đoạn, đã ghi nhận doanh thu, xuất hóa đơn GTGT cho đối tác và kê khai hoặc nộp thuế GTGT theo quy định. Số tiền : 485.184.246^d là số mà các đơn vị nhà nước hiện chưa thanh toán cho công ty vào tại thời điểm khóa sổ năm tài chính 31/12/2020.

Tính đến 31/12/2020: Công trình nước tự chảy Sơn điền đã thực hiện hoàn thành 80%, CT nước tự chảy thôn 2.3.4 Đinh Trang Hoà đã hoàn thành 98%, và các công trình đang thực hiện chưa quyết toán khoảng 1,4 tỷ ;



DỰ THẢO

PHẦN III- DỰ THẢO KẾ HOẠCH SXKD 2021.

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021	
			THỰC HIỆN	Tỷ lệ %		KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trường so với 2020
				Cung kỳ	Kế hoạch		
1	Nước sản xuất	m3	1.550.279	97,53	92,8	1.699.079	109,60
	a Di Linh		1.428.119	96,25	91,6	1.548.119	108,40
	b Hòa Ninh		122.160	115,56	108,6	150.960	123,58
2	Nước Ghi thu	m3	1.311.925	101,69	97,8	1.437.231	109,55
	a Di Linh		1.206.185	100,64	97,5	1.308.161	108,45
	b Hòa Ninh		105.740	115,44	101,5	129.071	122,06
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15,37	81,62	78,1	15,41	100,24
	a Di Linh		15,54	80,83	75,5	15,50	99,74
	b Hòa Ninh		13,44	100,65	181,5	14,50	107,88
4	Tổng doanh thu	đồng	15.080.037.124	88,74	97,8	16.553.697.873	109,8
	a Doanh thu cung cấp nước sạch	đồng	12.412.034.240	112,79	97,1	13.653.697.873	110,0
	b Doanh thu XDCB và thi công công trình	đồng	1.501.712.263	32,59	75,1	2.000.000.000	133,2
	c Doanh thu lắp đặt Chiết tính	đồng	586.997.652	100,67	106,7	600.000.000	102,2
	d Doanh thu mua bán vật tư ngành nước	đồng	510.442.958	483,39	1.020,9	200.000.000	39,2
	e Doanh thu Khác	đồng	68.850.011	9,95	229,5	100.000.000	145,2
5	Giá bán nước sạch	đ/m3	9.461	110,91	99,3	9.500	100,4
6	Số lượng lao động bình quân	người	39	97,50	97,5	43,0	110,3
7	Quản Lý	người	3	100,00	100,0	3,0	100,0
8	Quỹ lương quản lý	đ/năm	660.000.000	106,49	100,0	673.200.000	102,0
	a Giám đốc	đ/năm	252.000.000	106,49	100,0	257.040.000	102,0
	b P.Giám đốc	đ/năm	216.000.000	106,49	100,0	220.320.000	102,0
	c Kế toán trưởng	đ/năm	192.000.000	106,49	100,0	195.840.000	102,0
9	CBCNV công ty						
	a Số lượng lao động BQ(Danh sách BHXH)	người	42	105,0	105,0	46	109,5
	b Tổng quỹ lương CBCNV	đồng	3.941.036.966	143,48	159,0	4.038.882.021	102,5
	c Tổng quỹ lương cung cấp nước sạch	đồng	2.259.124.307	108,20	103,0	2.398.882.021	106,2
	d Tổng quỹ lương XDCB nhận thi công	đồng	119.620.000	18,16	41,9	360.000.000	301,0

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**



DỰ THẢO

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021	
			THỰC HIỆN	Tỷ lệ %		KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trường so với 2020
				Cùng kỳ	Kế hoạch		
f	Tổng quỹ lương XDCB TSCD vốn Cty	đồng	578.587.458	316,13	289,3	200.000.000	34,6
k	Quỹ lương Lắp đặt chiết tính	đồng	426.772.196	157,89	168,7	480.000.000	112,5
l	Quỹ lương quản lý dự án		88.231.619	75,21	98,0	100.000.000	113,3
m	Quỹ lương khác (Ăn ca,niêm chỉ...)	đồng	468.701.386	121,63	114,9	500.000.000	106,7
10	Lương bình quân CBCNV	ng/tháng	8.409.000	92,04	117,7	8.050.000	95,7
11	Thu nhập bình quân CBCNV	ng/tháng	11.260.000	96,77	104,0	10.950.000	97,2
12	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	105,49	105,5	14.980.000.000	100,0
13	Khách hàng	Hộ	9.331	119,90	102,7	12.631	135,4
a	KH tại Di Linh(B.gồm 2.000 KH dự án)	Hộ	8.531	121,51	103,8	10.531	123,4
b	Khách hàng tại HN-ĐTH(1.300 KH dự án)	Hộ	800	105,12	92,9	2.100	262,5
c	Tỷ lệ tồn thu	%	0,47	100,00	100,0	< 1%	
14	Lợi nhuận trước thuế TNDN	đồng	1.757.431.874	126,56	116,2	1.890.000.000	107,5
15	Mức KHTSCĐ	đồng	1.517.307.410	86,46	99,5	1.749.736.800	115,3
16	Mức Phân bổ ngắn - dài hạn	đồng	1.400.046.365	104,69	98,9	1.418.883.476	101,3
17	Tổng thuế phí nộp NSNN	đồng	1.750.038.378	91,03	79,0	1.842.618.447	105,3
a	Thuế các loại	đồng	617.828.475	69,25	61,8	511.592.070	82,8
b	Phí bảo vệ môi trường nước sạch sinh	đồng	1.132.209.903	109,88	93,2	1.331.026.377	117,6
18	Tổng Mức đầu tư XDCB	đồng	6.592.100.723	84,17	129,0	3.200.000.000	48,5
a	Mua sắm hình thành tài sản cố định	đồng	5.147.269.231	96,63	151,4	2.200.000.000	42,7
b	Lắp đặt theo Ống nhánh theo ND 117	đồng	651.238.765	102,66	81,3	600.000.000	92,1
c	Chuyển nhượng quyền Sử dụng đất	đồng		-			
d	Mua sắm tài sản ngắn hạn	đồng	88.581.817	71,36	57,1	100.000.000	112,9
e	Mua sắm tài sản dài hạn	đồng	705.010.910	61,02	93,5	300.000.000	42,6
19	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.471.548.286	133	117	1.512.000.000	102,7
20	Dự Kiến phân phối lợi nhuận						
a	Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	đồng	294.309.657	132,77	116,8	302.400.000	102,7
b	Thù lao HĐQT-BKS	đồng	160.000.000	109,22	102,6	160.000.000	100,0
c	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	105,49	105,5	14.980.000.000	100,0
21	Chia cổ tức	đồng	1.017.238.629	137,43	119,4	1.049.600.000	103,2
	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	6,79	130,28	113,2	7,01	103,2



DỰ THẢO

PHẦN IV: BÁO CÁO CÁC VẤN ĐỀ KHÁC.

1. Báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông 2019-2020:

Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020:

Thực hiện theo điều 3; Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHCD/CNDL 2020 ngày 29/5/2020 Công ty đã thực hiện chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu cho cổ đông, theo tỷ lệ 1:0,055, tức phát hành thêm 78.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty năm 2020. Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ trên, vào sổ cổ đông và gửi cổ phiếu phát hành thêm cho tất cả các cổ đông công ty chốt danh sách tại ngày 31/12/2019;

2. Đề nghị Sửa đổi điều lệ công ty năm 2018 phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 và chính thức có hiệu lực vào ngày 01/1/2021:

STT	ĐIỀU LỆ CTY 2018	LUẬT DN SỐ 68/2014/QH13 NĂM 2014	LUẬT DN SỐ 59/2020/QH14 NĂM 2020
1	Căn cứ Luật DN số 68/2014/QH13 năm 2014.	Căn cứ Luật DN số 68/2014/QH13 năm 2014	Căn cứ Luật DN số 59/2020/QH14 năm 2020
	<i>Điểm 3, Điều 11. Quyền của cổ đông</i>	<i>Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp 2014</i>	<i>Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</i>
2	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.	Luật Doanh nghiệp 2020, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
3	Điều 20: Thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông Thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông.	Điều 144. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.	Điều 148: Điều kiện để nghị quyết ĐHCĐ thông qua.
	2. Các quyết định của ĐHCĐ khác được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu biểu quyết	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số biểu quyết tán thành.....

Di Linh, ngày 18 tháng 5 năm 2021

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KHẮC DŨNG

BẢNG DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

GIAI ĐOẠN: TỪ NĂM 2021 ĐẾN 2023

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN GD ĐẦU TƯ (triệu đồng)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			PHÂN BỐ VỐN NĂM 2021	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2023	TIỀN ĐỘ
				Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng				
1	Công trình: Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh chống thất thoát (Đợt 4 – năm 2021)	Để kịp thời chống thất thoát, sửa chữa bể vỡ trên địa bàn huyện Di Linh nâng cấp tuyến ống cấp nước và khắc phục các tuyến ống sửa chữa di dời đảm bảo phù hợp quy định của các công trình mở rộng đường của UBND huyện Di Linh (đường hẻm 1190 Hùng Vương, đường Trần Phú, đường Lê Hồng Phong, các hẻm 195, 233 đường Hùng Vương, lê hồng phong, tuyến nội thị, ...) Vốn Cty đối ứng cùng hộ dân và ngân sách địa phương.	Vốn vay và xã hội hóa	700	300	350	50	2021- 2022		
2	Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hoá Di Linh giai đoạn năm 2021 - 2024	Lắp đặt bơm chìm, công nghệ lọc nước, hạ điện áp 3 pha, xây dựng bể chứa, nhà trạm bơm, hàng rào để hoàn thành trạm bơm đưa vào hoạt động, bổ sung trạm bơm cung cấp nguồn nước cho HTCN. để đảm bảo cung cấp nước liên tục cho các khu vực vùng cao, khó khăn trên địa bàn huyện Di Linh (Lập chủ trương, thi công theo từng giai đoạn và tiến độ bố trí vốn XD/CB).	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	1.100	200	400	500	2021- 2023		
3	Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hoà Ninh, Đỉnh trang Hoà đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã	Xây dựng nhà trạm, máy bơm giồng khoan, bổ sung công nghệ bồn lọc áp lực, hệ thống cấp và châm hóa chất, hệ thống van vận hành và điều khiển xử lý lọc, cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho xã Hoà Ninh, Đỉnh Trang Hoà công suất 1.000 m3 ngđ.	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	1000	350	500	150	2021- 2023		

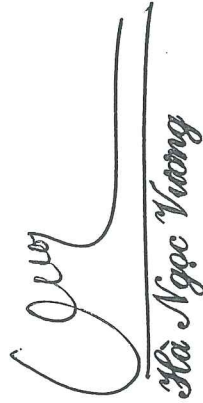


STT	TÊN CÔNG TRÌNH	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN GD ĐẦU TƯ (triệu đồng)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2021	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2023	TIỀN ĐỘ
4	Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đình Lạc	Tăng công suất nguồn cấp nước và xây dựng công nghệ xử lý, bể chứa tăng áp và hệ thống điện cung cấp cho trạm bơm đảm bảo phục vụ cung cấp cho 2000-3.000 hộ dân sử dụng trên địa bàn xã Tân Nghĩa, xã Đình Lạc (Phần tuyến ống và đồng hồ đã được đầu tư bằng vốn WB21) để mở rộng hệ thống khách hàng trên toàn huyện Di Linh; Giai đoạn 2021: Lập thiết kế, thi công 50% tiến độ phát nước 1000 m ³ /ngđ, Giai đoạn 2022 - 2023: Hoàn thiện dự án cấp nước	Vốn SCL và Vốn KHTSCD	950	200	500	250	2021-2023
5	Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2021	Duy tu sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, hệ thống nhà trạm và điện, máy bơm cho các trạm bơm đảm bảo an toàn sản xuất, công nghệ và điều khiển tự động, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế phát sinh và khả năng bố trí nguồn kinh phí;	Vốn vay và xã hội hóa	200	50	100	50	2021-2022
6	Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu vực nằm ngoài vùng cấp nước	Đối ứng cùng nhân dân sử dụng nguồn vốn xã hội hoá và khả năng bố trí nguồn kinh phí để mở rộng phạm vi cấp nước, vùng sản xuất, kinh doanh của Cty;	Vốn vay và xã hội hóa	300	100	100	100	2021-2023
7	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại xã Gung Ré	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Gung Ré.	Vốn SCL và Vốn KHTSCD	200	100	100		2021-2023

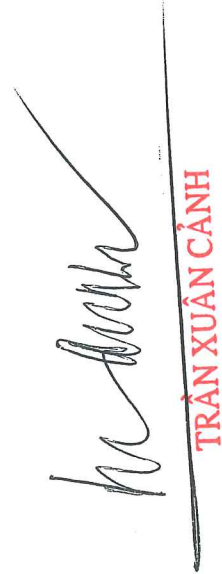
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN GĐ ĐẦU TƯ (triệu đồng)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2021	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2022	PHÂN BỐ VỐN NĂM 2023	TIỀN ĐỘ
8	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đông Lạc 2, Đông Lạc 4, Tân Lạc 2 xã Đinh Lạc	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình WB21.	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	300	100	200		2021-2023
9	Cấp quyền khai thác và gia hạn quyền khai thác cấp nước đối với các giếng khoan đã hết hạn cấp phép	Tư vấn lập hồ sơ: Các giếng khoan cấp quyền giai đoạn 2016, và cấp mới GK Hoà Ninh, Tân Nghĩa.	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	240	240			
10	Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm trên địa bàn huyện Di Linh năm 2021	Sửa chữa lớn, nâng cấp, bảo dưỡng các trạm bơm và hệ thống vận hành trên hệ thống.	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	360	360			
11	Lập báo cáo khả thi sử dụng nguồn nước hồ chứa KaLa làm nguồn cung cấp nước cho dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Di Linh	Giai đoạn tư vấn lập đề cương nhiệm vụ và lập dự án đầu tư : Lập báo cáo khả thi sử dụng nguồn nước hồ chứa KaLa làm nguồn cung cấp nước cho dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Di Linh (Sẽ trình HĐQT phê duyệt đề cương).	Vốn SCL và Vốn KHTSCĐ	-	-			
		TỔNG SỐ		5.350	2.000	2.250	1.100	
		TỔNG CỘNG(TỔNG VỐN THEO PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH 5.200 TRIỆU ĐỒNG 2021-2022)		5.200	2.000			

Ghi chú : số tiền 2,000 triệu là số tiền từ các nguồn theo phân tích tài chính
Tổng mức đầu tư dự kiến 2021-2023: 5.352 triệu đồng (Thực hiện theo kế hoạch vốn)

PHÒNG KỸ THUẬT-TỔNG HỢP


Hà Ngọc Vương

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN


TRẦN XUÂN CẢNH



NGUYỄN KHẮC DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI
LINH
524Hùng Vương, thị trấn Di Linh,
Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
MSDN:5800831612

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Di Linh, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Số: 01 /2021/NQ-ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh ngày 28/5/2021.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh (“Đại hội”) tổ chức bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản của toàn bộ cổ đông công ty chốt danh sách tại ngày 31/12/2020.
- Căn cứ vào kết quả lấy ý kiến bằng văn bản vào lúc 16 g 30 ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Văn phòng Công ty số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng. Tính đến 18g 00 tổng số cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản đến trụ sở công ty để tham dự và ủy quyền là:.....cổ đông, đại diện sở hữu cho:.....cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ..... % cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 1: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Võ Quốc Trang theo đơn đề nghị vì lý do sức khỏe.

2. Bầu ông Nguyễn Hùng Cường làm thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023

Điều 2: Phê chuẩn các nội dung được Hội đồng quản trị trình sau:

1. Tờ trình số 1: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến cổ tức năm 2021 (Chi tiết báo cáo được đính kèm theo).

2. Tờ trình số 02: Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán (Chi tiết xem Báo cáo tài chính 2020)



M.Đ.Đ.

3. Tờ trình số 03: Thông qua

NỘI DUNG THỨ NHẤT:

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, thù lao HĐQT-BKS năm 2020. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2020.

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2020: 6,79% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến bắt đầu từ tháng 7 năm 2021.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2020 bằng tiền.

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	DVT: đồng
			Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay		1.471.548.286
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	100%	1.471.548.286
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	10%	147.154.829
2.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	147.154.829
	+ Quỹ khen thưởng	5%	73.577.414
	+ Quỹ phúc lợi	5%	73.577.414
2.3	Thù lao Hội đồng quản trị, thành viên BKS	10,9%	160.000.000
2.4	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	69,1%	1.017.238.629
2.5	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ công ty	%	6,79

NỘI DUNG THỨ HAI: Trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty:

Căn cứ quy định của Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021.

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh.

Sửa đổi, điều chỉnh điều lệ của cty theo: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021.

STT	ĐIỀU LỆ CTY 2018	LUẬT DN SỐ 68/2014/QH13 NĂM 2014	LUẬT DN SỐ 59/2020/QH14 NĂM 2020
1	Căn cứ Luật DN số 68/2014/QH13 năm 2014	Căn cứ Luật DN số 68/2014/QH13 năm 2014	Căn cứ Luật DN số 59/2020/QH14 năm 2020
	<i>Điểm 3, Điều 11. Quyền của cổ đông</i>	<i>Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp 2014</i>	<i>Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</i>
2	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <i>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng</i> hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.	Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <i>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng</i> hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty để có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật này.	Luật Doanh nghiệp 2020, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
3	Điều 20: Thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông Thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông.	Điều 144. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.	Điều 148: Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.
	2. Các quyết định của ĐHĐCĐ khác được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu biểu quyết	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số biểu quyết tán thành.....

NỘI DUNG THỨ BA: Trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2021:

Trên cơ sở xem xét hồ sơ năng lực về Độ uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán đảm bảo; đơn giá dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lãnh vực ngành nước của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh đề xuất các Công ty kiểm toán sau:

1. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KMF. Địa chỉ: 19/6 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
2. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC. Địa chỉ: 94/4- Đường DHT 21, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Tp Hồ Chí Minh.
3. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM TOÁN TAF. Địa chỉ: Số 62A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

0083
CÔNG
CỔ PH
ƯỚC VÀ
LI
4-T.

NỘI DUNG THỨ TƯ: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Cty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh.

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021	
			THỰC HIỆN	Tỷ lệ %		KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trùng so với 2020
				Cung kỳ	Kế hoạch		
1	Nước sản xuất	m ³	1.550.279	97,53	92,8	1.699.079	109,60
	a Di Linh		1.428.119	96,25	91,6	1.548.119	108,40
	b Hòa Ninh		122.160	115,56	108,6	150.960	123,58
2	Nước Ghi thu	m ³	1.311.925	101,69	97,8	1.437.231	109,55
	a Di Linh		1.206.185	100,64	97,5	1.308.161	108,45
	b Hòa Ninh		105.740	115,44	101,5	129.071	122,06
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15,37	81,62	78,1	15,41	100,24
	a Di Linh		15,54	80,83	75,5	15,50	99,74
	b Hòa Ninh		13,44	100,65	181,5	14,50	107,88
4	Tổng doanh thu	đồng	15.080.037.124	88,74	97,8	16.553.697.873	109,8
	a Doanh thu cung cấp nước sạch	đồng	12.412.034.240	112,79	97,1	13.653.697.873	110,0
	b Doanh thu XDCB và thi công công trình	đồng	1.501.712.263	32,59	75,1	2.000.000.000	133,2
	c Doanh thu lắp đặt Chiết tính	đồng	586.997.652	100,67	106,7	600.000.000	102,2
	d Doanh thu mua bán vật tư ngành nước	đồng	510.442.958	483,39	1.020,9	200.000.000	39,2
	e Doanh thu Khác	đồng	68.850.011	9,95	229,5	100.000.000	145,2
5	Giá bán nước sạch	đ/m ³	9.461	110,91	99,3	9.500	100,4
6	Số lượng lao động bình quân	người	39	97,50	97,5	43,0	110,3
7	Quản Lý	người	3	100,00	100,0	3,0	100,0
8	Quỹ lương quản lý	đ/năm	660.000.000	106,49	100,0	673.200.000	102,0
	a Giám đốc	đ/năm	252.000.000	106,49	100,0	257.040.000	102,0
	b P.Giám đốc	đ/năm	216.000.000	106,49	100,0	220.320.000	102,0
	c Kế toán trưởng	đ/năm	192.000.000	106,49	100,0	195.840.000	102,0
9	CBCNV công ty						
	a Số lượng lao động BQ(Danh sách BHXH)	người	42	105,0	105,0	46	109,5
	b Tổng quỹ lương CBCNV	đồng	3.941.036.966	143,48	159,0	4.038.882.021	102,5
	c Tổng quỹ lương cung cấp nước sạch	đồng	2.259.124.307	108,20	103,0	2.398.882.021	106,2
	d Tổng quỹ lương XDCB nhận thi công	đồng	119.620.000	18,16	41,9	360.000.000	301,0

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021	
			THỰC HIỆN	Tỷ lệ %		KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trưởng so với 2020
				Cùng kỳ	Kế hoạch		
f	Tổng quỹ lương XDCB TSCĐ vốn Cty	đồng	578.587.458	316,13	289,3	200.000.000	34,6
k	Quỹ lương Lắp đặt chiết tính	đồng	426.772.196	157,89	168,7	480.000.000	112,5
l	Quỹ lương quản lý dự án		88.231.619	75,21	98,0	100.000.000	113,3
m	Quỹ lương khác (Ăn ca,niêm chỉ...)	đồng	468.701.386	121,63	114,9	500.000.000	106,7
10	Lương bình quân CBCNV	ng/tháng	8.409.000	92,04	117,7	8.050.000	95,7
11	Thu nhập bình quân CBCNV	ng/tháng	11.260.000	96,77	104,0	10.950.000	97,2
12	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	105,49	105,5	14.980.000.000	100,0
13	Khách hàng	Hộ	9.331	119,90	102,7	12.631	135,4
a	KH tại Di Linh(B.gồm 2.000 KH dự án)	Hộ	8.531	121,51	103,8	10.531	123,4
b	Khách hàng tại HN-ĐTH(1.300 KH dự án)	Hộ	800	105,12	92,9	2.100	262,5
c	Tỷ lệ tồn thu	%	0,47	100,00	100,0	< 1%	
14	Lợi nhuận trước thuế TNDN	đồng	1.757.431.874	126,56	116,2	1.890.000.000	107,5
15	Mức KHTSCĐ	đồng	1.517.307.410	86,46	99,5	1.749.736.800	115,3
16	Mức Phân bổ ngắn - dài hạn	đồng	1.400.046.365	104,69	98,9	1.418.883.476	101,3
17	Tổng thuế phí nộp NSNN	đồng	1.750.038.378	91,03	79,0	1.842.618.447	105,3
a	Thuế các loại	đồng	617.828.475	69,25	61,8	511.592.070	82,8
b	Phí bảo vệ môi trường nước sạch sinh	đồng	1.132.209.903	109,88	93,2	1.331.026.377	117,6
18	Tổng Mức đầu tư XDCB	đồng	6.592.100.723	84,17	129,0	3.200.000.000	48,5
a	Mua sắm hình thành tài sản cố định	đồng	5.147.269.231	96,63	151,4	2.200.000.000	42,7
b	Lắp đặt theo Ông nhánh theo NĐ 117	đồng	651.238.765	102,66	81,3	600.000.000	92,1
c	Chuyển nhượng quyền Sử dụng đất	đồng		-			
d	Mua sắm tài sản ngắn hạn	đồng	88.581.817	71,36	57,1	100.000.000	112,9
e	Mua sắm tài sản dài hạn	đồng	705.010.910	61,02	93,5	300.000.000	42,6
19	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.471.548.286	133	117	1.512.000.000	102,7
20	Dự Kiến phân phối lợi nhuận						
a	Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	đồng	294.309.657	132,77	116,8	302.400.000	102,7
b	Thù lao HĐQT-BKS	đồng	160.000.000	109,22	102,6	160.000.000	100,0
c	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	105,49	105,5	14.980.000.000	100,0
21	Chia cổ tức	đồng	1.017.238.629	137,43	119,4	1.049.600.000	103,2
	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	6,79	130,28	113,2	7,01	103,2

NỘI DUNG THỨ NĂM: Thông qua danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN-Triệu đồng			
			Tổng	2021	2022	2023
1	Công trình: Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh chống thất thoát (Đợt 4 – năm 2021)	Để kịp thời chống thất thoát, sửa chữa bể vỡ trên địa bàn huyện Di Linh nâng cấp tuyến ống cấp nước và khắc phục các tuyến ống sửa chữa di dời đảm bảo phù hợp quy định của các công trình mở rộng đường của UBND huyện Di Linh (đường hẻm 1190 Hùng Vương, đường Trần Phú, đường Lê Hồng Phong, các hẻm 195, 233 đường Hùng Vương, lê hồng phong, tuyến nội thị, ...) Vốn Cty đối ứng cùng hộ dân và ngân sách địa phương	700	300	350	50
2	Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hoá Di Linh giai đoạn năm 2021 - 2024	Lắp đặt bơm chìm, công nghệ lọc nước, hạ điện áp 3 pha, xây dựng bể chứa, nhà trạm bơm, hàng rào để hoàn thành trạm bơm đưa vào hoạt động, bổ sung trạm bơm cung cấp nguồn nước cho HTC.N. để đảm bảo cung cấp nước liên tục cho các khu vực vùng cao, khó khăn trên địa bàn huyện Di Linh (Lập chủ trương, thi công theo từng giai đoạn và tiến độ bố trí vốn XD.CB)	1.100	200	400	500
3	Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hoà Ninh, Đình trang Hoà đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã	Xây dựng nhà trạm, máy bơm giếng khoan, bổ sung công nghệ bồn lọc áp lực, hệ thống cấp và châm hóa chất, hệ thống van vận hành và điều khiển xử lý lọc, cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà công suất 1.000 m3/ngđ	1000	350	500	150
4	Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đình Lạc	Tăng công suất nguồn cấp nước và xây dựng công nghệ xử lý, bể chứa tăng áp và hệ thống điện cung cấp cho trạm bơm đảm bảo phục vụ cung cấp cho 2000- 3.000 hộ dân sử dụng trên địa bàn xã Tân nghĩa, xã Đình Lạc (Phần tuyến ống và đồng hồ đã được đầu tư bằng vốn WB21) để mở rộng hệ thống khách hàng trên toàn huyện Di linh; Giai đoạn 2021: Lập thiết kế, thi công 50% tiến độ phát nước 1000 m3/ngđ, Giai đoạn 2022 - 2023: Hoàn thiện dự án cấp nước	950	200	500	250
5	Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2021	Duy tu sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, hệ thống nhà trạm và điện, máy bơm cho các trạm bơm đảm bảo an toàn sản xuất, công nghệ và điều khiển tự động, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế phát sinh và khả năng bố trí nguồn kinh phí;	200	50	100	50
6	Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu vực nằm ngoài vùng cấp nước	Đối ứng cùng nhân dân sử dụng nguồn vốn xã hội hoá và khả năng bố trí nguồn kinh phí để mở rộng phạm vi cấp nước, vùng sản xuất, kinh doanh của Cty;	300	100	100	100

7	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại xã Gung Ré	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Gung Ré.	200	100	100	
8	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đồng Lạc 2, Đồng Lạc 4, Tân Lạc 2 xã Đình Lạc	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình WB21.	300	100	200	
9	Cấp quyền khai thác và gia hạn quyền khai thác cấp nước đối với các giếng khoan đã hết hạn cấp phép	Tư vấn lập hồ sơ: Các giếng khoan cấp quyền gia đoạn 2016, và cấp mới GK Hòa Ninh, Tân nghĩa	240	240		
10	Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm trên địa bàn huyện Di Linh năm 2021	Sửa chữa lớn, nâng cấp, bảo dưỡng các trạm bơm và hệ thống vận hành trên hệ thống	360	360		
11	Lập báo cáo khả thi sử dụng nguồn nước hồ chứa KaLa làm nguồn cung cấp nước cho dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Di Linh	Giai đoạn tư vấn lập đề cương nhiệm vụ và lập dự án đầu tư : Lập báo cáo khả thi sử dụng nguồn nước hồ chứa KaLa làm nguồn cung cấp nước cho dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Di Linh (Sẽ trình HĐQT phê duyệt đề cương)	0	0		
TỔNG CỘNG			5.350	2.000	2.250	1.100



Điều 3: Thống nhất mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 là tr 160 triệu đồng. Trình kế hoạch mức thù lao trong năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 160 tr; Căn cứ vào kết quả SXKD, tỷ lệ chia cổ tức năm 2021, Hội đồng quản trị quyết toán tiền lương Ban quản lý, quỹ lương của người lao động và thù lao Hội đồng quản trị-BKS, trình đại hội cổ đông thường niên trong năm tiếp theo quyết định. Các khoản phải trích quỹ như: quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển căn cứ KQSXKD tạm trích theo Điều lệ công ty trong năm 2021. Số liệu chính thức quyết toán Đại hội đồng cổ đông kỳ tiếp theo sẽ quyết định.

Điều 4: Kết quả biểu quyết các nội dung theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội cổ đông:

M. Anh

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Số cổ phần biểu quyết			Tỷ lệ biểu quyết đồng ý (%)
		Đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	
1	Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán (Chi tiết xem Báo cáo tài chính 2020), phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, thù lao HĐQT-BKS năm 2020.				
2	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiền lương, dự kiến phân phối lợi nhuận và dự kiến cổ tức năm 2021 (Chi tiết xem báo cáo kèm theo.)				
3	Thông qua danh mục đầu tư xây dựng cơ bản (Chi tiết xem danh mục kế hoạch đầu tư năm 2021)				
4	Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty				
5	Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính 2021.				
6	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023				

Điều 4: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020-2021 Cty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh tổ chức, điều hành, triển khai thực hiện thành công các nội dung ghi trong Nghị quyết này. Nghị quyết được đọc và thông qua. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 28/5/2021. *huar*

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020-2021;
- Tất cả thành viên Hội đồng quản trị;
- Tất cả thành viên Ban kiểm soát;
- Ban điều hành công ty;
- Đăng trên website công ty;
- Lưu;



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ
NGUYỄN VĂN THỌ